

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 1978/2023/HN-ST

Ngày: 20-6-2023

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Minh Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Lan - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Lê Quang Đạo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 2902/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1589/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 2176/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2773/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Võ Tấn L**, sinh năm 1960

Thường trú: 445/10 **Đường S Xa lộ H, Khu phố F, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Bị đơn: Bà **Vũ Thị R**, sinh năm 1957

Thường trú: 445/10 **Đường S Xa lộ H, Khu phố F, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**

Tạm trú: 10/43 **Đường G, Khu phố B, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông và bà **Vũ Thị R** tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy Chứng Nhận kết hôn số 21 quyển số 02, ngày 14/01/1987. Đã chung sống với nhau từ ngày 14/01/1987.

Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2012 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm trong cuộc sống. Đến nay, ông và bà **R** đã sống ly thân được khoảng mười năm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tình cảm với nhau vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông **L** yêu cầu được Tòa án giải quyết ly hôn với bà **Vũ Thị R**.

- Về con chung: Ông và bà **Vũ Thị R** có bốn con chung: **Võ Thành M**, sinh ngày: 30/3/1988; **Võ Ngọc Lan H**, sinh ngày: 18/12/1989; **Võ Thành V**, sinh ngày: 11/7/1992 và **Võ Ngọc Đan T**, sinh ngày 20/5/1996. Các con chung đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông **L** xác định không có.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng bà **Vũ Thị R** không hợp tác, không đến Tòa án để làm việc. Vì vậy Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông **Võ Tấn L** có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn ông **L** vẫn giữ nguyên toàn bộ ý kiến, yêu cầu như trong bản tự khai và các biên bản làm việc tại Tòa.

Phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ 02 lần tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục tố tụng, cấp, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử, tuy nhiên Tòa án còn vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông **Võ Tấn L** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà **Vũ Thị R**; ông **L** và bà **R** cư trú tại **thành phố T**, nên quan hệ tranh chấp giữa ông **L** và bà **R** là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên vụ án được đưa ra xét xử có sự tham gia của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần. Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 21 quyển số 02, ngày 14/01/1987 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/01/1987, có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông **Võ Tấn L** và bà **Vũ Thị R** là hôn nhân hợp pháp.

Đối với yêu cầu của ông **L** về việc xin ly hôn với bà **R**: Ông **Võ Tấn L** xác định không còn tình cảm với bà **Vũ Thị R**, nguyên nhân là do cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn, không cùng quan điểm trong cuộc sống và cả hai đã sống ly thân được khoảng mười năm. Nay ông **L** nhận thấy hai bên không còn tình cảm với nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau vì vậy mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà **Vũ Thị R**.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà **Vũ Thị R** đến Tòa làm việc nhưng bà **R** đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập nhưng bà **R** vẫn vắng mặt không có lý do chứng tỏ bà **R** cũng

không còn quan tâm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với ông L. Xét, ông L khai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn với nhau, không cùng quan điểm trong cuộc sống, đã sống ly thân mười năm, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau là có cơ sở nên căn cứ vào Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Võ Tấn L.

Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Võ Tấn L xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn được miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm vì là người cao tuổi.

[4] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Tấn L được ly hôn với bà Vũ Thị R.

- Về con chung: Các con chung đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông L xác định không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Võ Tấn L** được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông **Võ Tấn L** và bà **Vũ Thị R** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh
- VKSND tp Thủ Đức;
- Chi cục THADS tp Thủ Đức;
- UBND P. Trường Thọ, tp. Thủ Đức, Tp. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lưu Minh Tú